

Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố động lực trong phát triển kinh tế - xã hội

- Võ Văn Sen
- Dương Thành Thông

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

TÓM TẮT:

Gia Định - Sài Gòn - TP. Hồ Chí Minh là một tiểu vùng lịch sử văn hoá có vị trí hết sức quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ, đặc biệt là đầu tàu kinh tế, khoa học - kỹ thuật của cả nước khi đất nước tiến lên công nghiệp hoá – hiện đại hoá. Với chỉ hơn 300 năm xây dựng và phát triển – tính từ khi Lê Thành Hâu Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đồng Nai, thiết lập các cơ sở hành chính đầu tiên của người Việt vào năm 1698 – Thành phố Hồ Chí Minh được xem là một “thành phố trẻ” của một đất nước ngàn năm văn hiến. Với vị thế của mình, Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh đã là nơi chứng kiến những chặng đường quan trọng, những bước

ngoặt trọng đại trong tiến trình phát triển của đất nước, tự thân phát triển thành trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội của Nam bộ nói riêng, cả nước nói chung. Ngày nay, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định vai trò và vị thế của một trung tâm kinh tế - chính trị của đất nước, một “thành phố động lực” trong phát triển kinh tế, không chỉ của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam mà còn của cả nước. Bài viết này xin điểm qua những chặng đường phát triển cùng với những bài học lịch sử của Thành phố Hồ Chí Minh với tư cách là đầu tàu kinh tế, thành phố động lực của đất nước trên ba thế kỷ qua.

Từ khóa: Sài Gòn, Gia Định, Chợ Lớn, Thành phố Hồ Chí Minh, kinh tế Việt Nam

1. Về khái niệm “Thành phố động lực”

Nhà địa lý học người Đức Walter Christaller (1893-1969), với học thuyết về “Vị trí trung tâm” (Central Place Theory, 1933)¹, đã tạo nên một bước đột phá trong việc nghiên cứu các thành phố như là một hệ thống liên kết giữa các thành phố trung tâm và ngoại vi, chứ không phải là hệ thống phân cấp đơn giản hoặc các thực thể tồn tại một cách độc lập và đơn nhất. Theo đó, những khu vực trung tâm của

hệ thống là vị trí địa lý nơi các dịch vụ và hàng hóa được cung cấp ở một mức độ cao cho khu vực xung quanh - những khu vực được gọi là ngoại biên. Học thuyết của Walter Christaller bị các học giả sau đó chỉ trích là còn mang nặng quan điểm “tĩnh” vì nó chưa tính đến khả năng “bức tốc” theo thời gian của các địa điểm trung tâm lẫn các vùng ngoại vi². Hơn

¹ Christaller, Walter (1933), *Die zentralen Orte in Süddeutschland*, Gustav Fischer, Jena.

² Xin đọc thêm: August Lösch (1954), *The Economics of Location*, Yale, Yale Univ Press; Openshaw, S., Veneris, Y. (2003) “Numerical experiments with central place theory and spatial interaction modelling” *Environment and Planning A* 35(8) 1389-1403; Smith, Margot W. (1979), *The Economics of Physician Location*, Western Regional Conference - American

nữa, học thuyết này cũng chưa dự đoán hết được tiềm năng cũng như viễn cảnh nội lực mạnh mẽ và đa dạng trong tiến trình “công nghiệp hóa”, “đô thị hóa” của các trung tâm công nghiệp - dịch vụ khi chỉ mới đề cập nhiều đến sự chi phối trong lĩnh vực nông nghiệp³...

Học thuyết về vị trí trung tâm của Walter Christaller được bổ khuyết một mảng đáng kể bởi Alfred Weber (1868-1958) với lý thuyết Trung tâm công nghiệp (Industrial Location Choice). Trong đó Alfred Weber nhấn mạnh và chỉ ra những “địa điểm” được cho là hội tụ những lợi thế để trở thành một trung tâm công nghiệp, chi phối các khu vực khác với mức độ tập trung hóa và chuyên môn hóa cao nhất⁴.

Năm 1950, François Perroux (1903-1987) – nhà kinh tế học người Pháp – đề ra lý thuyết “Cực tăng trưởng” (Poles de croissance hay Growth poles). Theo đó, các chính sách của chính phủ nhằm vào sự phát triển của một khu vực cụ thể của địa phương với nòng cốt là một ngành công nghiệp hoặc một nhóm các ngành công nghiệp có liên quan, có tỷ lệ tăng trưởng trên mức trung bình quốc gia và khả năng để tạo ra tăng trưởng thông qua các tác động của các mối liên kết đầu vào - đầu ra mạnh mẽ, làm đầu tàu trong nền kinh tế quốc gia⁵.

Trong mối quan hệ với các trung tâm kinh tế, khái niệm “Vùng kinh tế” cũng được nhiều học giả

quan tâm. Trong đó, học giả Địa kinh tế Liên Xô E. B. Alaev cho rằng vùng kinh tế là “một bộ phận lãnh thổ nguyên vẹn của nền kinh tế quốc dân, có những dấu hiệu sau: chuyên môn hoá những chức năng kinh tế quốc dân cơ bản; tính tổng hợp: được hiểu theo nghĩa rộng như là mối quan hệ qua lại giữa các bộ phận cấu thành quan trọng nhất trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lãnh thổ của vùng..., coi vùng như là hệ thống toàn vẹn, một đơn vị có tổ chức trong bộ máy quản lý lãnh thổ nền kinh tế quốc dân”⁶. Theo đó, có nhiều yếu tố để hình thành và phát triển các vùng kinh tế; trong đó nổi lên yếu tố tiền đề là quá trình phân công lao động theo lãnh thổ và phân công lao động theo ngành⁷.

Như vậy, một cách khái quát, mỗi vùng kinh tế được hiểu là khu vực có phạm vi nhất định, chứa đựng các yếu tố con người, tự nhiên và sản xuất. Những yếu tố đó không tách rời, riêng lẻ mà tác động qua lại lẫn nhau làm thành một không gian kinh tế - xã hội với những đặc trưng do các yếu tố này quy định. Cùng với sự phát triển, biến động của lịch sử, các vùng kinh tế này có sự phân bố không gian do tác động của các phương án, chính sách tổ chức của các nhà nước hoặc do sự biến đổi nội tại tạo nên bởi các yếu tố cấu thành. Trong mỗi vùng kinh tế, sự phân công, chuyên môn hóa một ngành nghề, một lĩnh vực hay do bởi những yếu tố địa lý cụ thể, luôn có sự tồn tại của một “trung tâm”, đóng

Association of Geographers, Chicago, Illinois, USA; Smith, Margot W. (1986), *Physician's Specialties and Medical Trade Areas: An Application of Central Place Theory*. Papers and Proceedings of Applied Geography Conferences, Vol. 9, West Point NY, USA...

³ Về vai trò chi phối của nông nghiệp, Walter Christaller chịu ảnh hưởng tư tưởng của Johann Heinrich von Thünen (1783-1850), một nhà kinh tế học người Đức lỗi lạc đầu thế kỷ XIX. Ông nổi tiếng với tác phẩm “*Der isolierte Staat in Beziehung auf Landwirtschaft und Nationalökonomie: Untersuchungen über den Einfluß, den die Getreidepreise der Reichtum, des Bodens und die Abgaben auf den Ackerbau ausüben*” (gọi tắt là *Der isolierte Staat* tức *Nhà nước đơn độc*).

⁴ Theo http://de.wikipedia.org/wiki/Alfred_Weber

⁵ Theo Tổ chức “Hiệp hội những người bạn của François Perroux” (Association des Amis de François Perroux), *Journée François Perroux*, công bố đầu năm 2008. (http://www.iseor.com/upload/Perroux_2008/DP_perroux_8janv08-SI.pdf).

⁶ E.B.Alaev (1983), *Từ điển thuật ngữ về địa lý kinh tế - xã hội*, Moscow (dẫn theo Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Văn Phú (Đồng chủ biên, 2006), *Phát triển kinh tế vùng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.20).

⁷ Viện Chiến lược phát triển (2004), *Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.98.

Hiểu theo cách đó, một vùng kinh tế được đặc trưng bởi ba yếu tố:

- Có các hoạt động kinh tế - xã hội tiêu biểu, thực hiện sự phân công lao động xã hội trên phạm vi cả nước (quy mô không gian kinh tế - xã hội);
- Có qui mô diện tích, dân số ở cấp lớn nhất (quy mô không gian địa lý);
- Phục vụ việc hoạch định các chiến lược, các kế hoạch phát triển theo lãnh thổ cũng như để quản lý các quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên mỗi vùng của đất nước (phục vụ mục đích quy hoạch, quản lý).

vai trò là đầu tàu, động lực hạt nhân của khu vực. Sự phát triển hay tàn lụi của vùng phụ thuộc rất lớn vào những biến động của “trung tâm”, những “thành phố động lực” này. Trong mối quan hệ với quốc gia, các trung tâm này đóng vai trò trọng yếu về lĩnh vực mà nó được “phân công” phụ trách với tư cách là “đại biểu” hàng đầu. Tùy theo những giai đoạn lịch sử, các trung tâm này có thể được thay thế bằng những trung tâm khác, hoặc đóng vai trò ngày càng quyết định trong bức tranh kinh tế - chính trị quốc gia, không chỉ với khu vực mà nó đại diện, mà còn có thể là của cả nước⁸.

2. Sài Gòn thế kỷ XVII-XVIII – từ “thành trì” đến “thành thị”

Giống như nhiều khu vực tập trung đông cư dân ở Đàng Trong trong những thế kỷ XVII-XVIII, Sài Gòn đóng vai trò là một trung tâm chính trị - quân sự (thành trì) hơn là một trung tâm kinh tế - xã hội (thành thị). Những “thành thị” ở Đàng Trong giai đoạn này được biết đến với hàm ý để chỉ những khu vực “thành” (thành lũy: một trung tâm quân sự với tường thành kiên cố bao quanh) trong sự kết hợp (hay liên hệ) với những không gian “thị” (chợ: nơi tập trung các hoạt động kinh tế và đông dân cư sinh sống). Sự kết hợp đó được lý giải bởi sự tồn tại hai tình trạng song hành nhau giai đoạn này: tình trạng chiến tranh và sự phát triển của hoạt động thương mại.

Có thể dễ dàng nhận thấy, với xứ Đàng Trong, nguy cơ chiến tranh là vấn đề thường trực nhất với các chúa Nguyễn trong buổi đầu cát cứ. Một mặt, họ phải đối diện với nguy cơ bị tấn công từ triều

đình Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài; mặt khác, phải luôn cảnh giác với những nguy cơ tiềm ẩn ở khu vực trước đó là vùng Thủy Chân Lạp. Là những người “ly khai” lẫn những người mở rộng lãnh thổ, dễ hiểu khi các chúa Nguyễn hết sức chú trọng đến hệ thống phòng vệ tại các vùng trọng yếu trên khắp lãnh thổ; vừa để bảo vệ chính quyền, đồng thời làm cơ sở đồn trú của lưu dân trong các cuộc khai mở. Bên cạnh đó, sự phát triển thương mại ở Đàng Trong cũng rất đáng chú ý với sự hiện diện của thuyền buôn phương Tây, sự có mặt của lưu dân người Hoa và những mối tiếp xúc của chính quyền chúa Nguyễn - Chân Lạp - Xiêm La tại vùng hạ lưu sông Mê Kông.

Cùng với sự củng cố chính quyền ở Đàng Trong, dần dần, các trung tâm quân sự này hình thành những đường nét đầu tiên của các khối cư dân đô thị với sự tập trung dân cư ngày càng đông và sự phát triển của các hoạt động kỹ nghệ - thương mại. Trên cơ sở đó, các cứ điểm quân sự đồng thời trở thành các trung tâm chính trị - hành chính với sự mở rộng của tổ chức bộ máy chính quyền. Sự phân định những nơi quan lại ở, doanh trại, kho vũ khí, kho lương thực, khu dân cư, chợ, bến sông, hải cảng... đã kéo theo những nhu cầu của quá trình quy hoạch đô thị.

Như vậy, có thể nhận thấy yếu tố “thành” là khởi đầu của các đô thị ở Đàng Trong, nhưng yếu tố “thị” mới là luồng sinh khí hình thành nên các trung tâm kinh tế - xã hội. Chỉ những căn cứ quân sự có vị trí địa lý đặc biệt thuận lợi để phát triển kinh tế, thuận lợi cho hoạt động thương mại mới có thể trở thành một trung tâm chính trị - kinh tế - quân sự có vai trò chi phối các trung tâm khác. Sự hưng thịnh của các đô thị như Hội An, Quy Nhơn, Nha Trang, Mỹ Tho, Hà Tiên và đặc biệt là Sài Gòn trong những thế kỷ XVII-XVIII là minh chứng cho quá trình phát triển này.

Năm 1698, khi chúa Nguyễn thiết lập các dinh Trấn Biên (Biên Hoà), Phiên Trấn (Gia Định), Sài Gòn trở thành một trung tâm hành chính - quân sự

⁸ Thực tiễn của các nước phát triển trong khu vực và thế giới cũng khẳng định vai trò và vị thế của các “thành phố động lực” trong sự phát triển của cả nước. Ở Nhật Bản, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, các thành phố Kobe, Kyoto, Nagoya, Osaka, Yokohama đã trở thành các trung tâm kinh tế trong tiến trình “hóa rồng” của người Nhật. Ở Hàn Quốc, các thành phố Seoul, Busan, Daegu, Incheon, Daejeon, Gwangju và Ulsan là các thành phố động lực của đất nước. Mumbai, Delhi, Bengaluru, Kolkata, Chennai, Ahmedabad, Hyderabad... là các thành phố “hạt nhân kinh tế” của Ấn Độ. Các thành phố Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải, Trùng Khánh là các thành phố đầu tàu của nền kinh tế Trung Quốc...

của chính quyền người Việt⁹. Nơi đây trở thành “tổng hành dinh” của Quan kinh lược triều đình Phú Xuân từ năm 1754. Nhưng trước đó, từ những năm 20 của thế kỷ XVII, vùng Sài Gòn (Prei Nokor) - Bến Nghé đã là nơi tập trung khá đông lưu dân người Việt đến khai phá, làm ăn buôn bán¹⁰. Việc lập các dinh Trấn Biên và Phiên Trấn năm 1698 không chỉ dừng lại với việc tạo cơ sở pháp lý cho việc xác lập và mở rộng chủ quyền của người Việt tới vùng đất Đông Nam Bộ ngày nay mà còn tạo ra tiền đề cho quá trình tiếp tục mở đất xuống phương Nam tạo nên một lãnh thổ thống nhất cho Việt Nam ngày nay trải dài từ ái Nam Quan tới mũi Cà Mau. Sài Gòn – cùng với Biên Hòa – trở thành một trong những “cứ điểm bàn đạp”, chỗ đứng chân, nơi tích trữ lương thực, cứ điểm quân sự, một địa điểm đầu cầu, một vị trí tiền tiêu, cũng là căn cứ xuất phát của quá trình khai phá và xác lập chủ quyền của người Việt¹¹. Bằng chứng là trong nửa đầu thế kỷ XVIII, từ đây, quân chúa Nguyễn đã có nhiều cuộc hành quân lớn (những năm 1732, 1755, 1756, 1757...) hoặc để dẹp loạn hoặc để tham gia giải quyết các

cuộc tranh chấp quyền lực trong nội bộ Chân Lạp (do yêu cầu giúp đỡ), mà hệ quả kèm theo là nhiều vùng đất mới tiếp tục được đặt dưới quyền quản lý của chúa Nguyễn do sự hiến dâng của phía vương triều Chân Lạp¹²... Điều đó cho thấy vai trò và vị trí đầu tàu của Sài Gòn trong chính sách “Nam tiến” của các chúa Nguyễn. Sự ổn định và vị thế về quân sự đó cũng tác động tích cực đến sự phát triển về kinh tế của Sài Gòn với sự khởi sắc của các hoạt động thương mại. Tuy nhiên, sự khởi sắc đó chỉ kéo dài trong khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII. Nửa sau thế kỷ XVIII chứng kiến Sài Gòn bị ảnh hưởng nặng nề bởi chiến tranh, nhất là từ sau khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ (1771). Nơi đây trở thành một cứ điểm và tổng hành dinh của các thế lực quân sự, thường xuyên bị công kích và đổi chủ (họ Nguyễn và Tây Sơn). Dân cư phiêu tán, hoạt động kinh tế hầu như ngưng trệ... khiến Sài Gòn chỉ còn giữ vai trò là thành trì chiến lược trước khi hưng thịnh trở lại trong giai đoạn hòa bình dưới triều Nguyễn.

3. Sài Gòn nửa đầu thế kỷ XIX - sự khởi sắc của trung tâm kinh tế hàng đầu ở Nam bộ

Dưới triều Nguyễn, trong nửa đầu thế kỷ XIX, Sài Gòn dần lấy lại vị thế trung tâm của cả khu vực, về cả vai trò chính trị lẫn kinh tế. Năm 1802, sau khi lên ngôi, vua Gia Long đổi *phủ Gia Định* thành *trấn Gia Định*¹³; đến năm 1808, lại đổi tên trấn Gia Định thành Gia Định Thành gồm năm trấn là Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên (Sài Gòn thuộc trấn Phiên An). Năm Minh Mạng thứ 13 – 1832, vua Minh Mạng thực hiện cuộc cải cách hành chính, xóa bỏ đơn vị “Thành”, chia năm trấn thuộc Gia Định Thành thành sáu tỉnh (Phiên An, Biên Hòa, Định Tường, Vĩnh Long, An Giang,

⁹ Sách Đại Nam thực lục chép: Năm 1698, Chúa Nguyễn Phúc Chu sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lược xứ Đông Nai. Tại đây, ông tiến hành “chia đất Đông Phố, lấy xứ Đông Nai làm huyện Phúc Long (nay thăng làm phủ) dựng dinh Trấn Biên (tức Biên Hòa ngày nay), lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình (nay thăng làm phủ), dựng dinh Phiên Trấn (tức Gia Định ngày nay), mỗi dinh đều đặt các chức lộ thủ, cai bạ, ký lục và các cơ đội thuyền thủy bộ tinh binh và thuộc binh. Mở rộng đất đai được nghìn dặm, được hơn 4 vạn hộ, bèn chiêu mộ những người dân xiêu dạt từ Bồ Chính trở về Nam cho đến ở cho đông. Thiết lập xã thôn, phường ấp, chia cắt giới phận, khai khẩn ruộng nương, định lệ thuế tô dung, làm sổ đinh điền. Lại lấy người Thanh đến buôn bán ở Trấn Biên lập làm xã Thanh Hà, ở Phiên Trấn lập làm xã Minh Hương. Từ đó người Thanh ở buôn bán đều thành dân hộ” (Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục (tập 1), NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.111).

¹⁰ Năm 1623, Chúa Nguyễn đã cho lập thương điểm tại Sài Gòn và Bến Nghé vị trí tương ứng với thành phố Hồ Chí Minh ngày nay để thu thuế. Năm 1658, sử sách triều Nguyễn còn ghi lại việc vua nước Chân Lạp là Nặc Ông Chân (Chan Ramathipati (1642 – 1659) đem quân xâm lấn đất đai của Chúa Nguyễn ở vùng Mô Xoài bị quân dân địa phương đánh đuổi, buộc phải “làm phiên thần, hàng năm nộp cống”. (Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục (tập 1), NXB Giáo dục, Hà Nội, tr.72).

¹¹ Xin xem: Trịnh Hoài Đức (1998), Gia Định thành thông chí, NXB Giáo dục, Hà Nội; J.Bouchot (1926), Saigon sous la domination Cambodgienne et Annamite, Saigon; J.Bouchot (1927), Documents pour servir à l’histoire de Saigon, Saigon...

¹² Năm 1732 là vùng Mỹ Tho và một phần của Vĩnh Long; năm 1756 là khu vực Gò Công, Tân An, Bến Tre, và Vĩnh Long; năm 1757, các đất Trà Vang, Ba Thắc, Sa Đéc, Châu Đốc, Rạch Giá, Cà Mau... trở thành lãnh thổ thuộc chủ quyền của các chúa Nguyễn.

¹³ Trước đó, năm 1779, chúa Nguyễn Ánh xem duyệt bản đồ các dinh trong, chia thành 4 dinh (Trấn Biên, Phiên Trấn, Trường Đồn, Long Hồ). Như vậy phủ Gia Định lúc này gồm 4 dinh và 1 trấn (Hà Tiên). (Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Quốc triều sử toát yếu*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr.27).

Hà Tiên). Đến tháng 8 (âm lịch) năm Quý Tỵ 1833, tỉnh Phiên An được đổi tên thành tỉnh Gia Định¹⁴. Sài Gòn (phủ Tân Bình) là thủ phủ của tỉnh Gia Định.

Từ năm 1802 đến năm 1832, Sài Gòn là trung tâm kinh tế - chính trị của Gia Định Thành. Với vị trí cửa ngõ của cả khu vực, sau khi hòa bình, Sài Gòn nhanh chóng phát huy vai trò vị thế của một trung tâm kinh tế. Tổng trấn Lê Văn Duyệt – với vai trò là người đứng đầu Gia Định Thành – đã có nhiều chính sách kinh tế cởi mở, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại, đặc biệt là ngoại thương. Với tốc độ phát triển mạnh mẽ, Sài Gòn nhanh chóng thay thế Biên Hòa trở thành trung tâm kinh tế của cả vùng. Chính sách thông thoáng của chính quyền cộng với vị trí cửa ngõ, trung tâm - nơi tiếp giáp giữa vùng sản xuất lúa gạo và vùng duyên hải miền Trung, đã tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các luồng thương mại tới đây buôn bán, trao đổi hàng hóa. Với một hải cảng lớn, nơi ra vào thường xuyên của các tàu thuyền buôn nước ngoài, Sài Gòn nhanh chóng trở thành cầu nối để ra biển của các thị trường lúa gạo và hàng nông sản lớn của cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long trù phú.

Sự phát triển của ngành thương mại kéo theo sự mở rộng về quy mô dân cư cũng như kích thích tập trung sản xuất ở các vùng ngoại vi Sài Gòn. Trịnh Hoài Đức trong *Gia Định thành thông chí* mô tả khá chi tiết nhiều tên “chợ” gắn với các ngã ba sông, ngã tư đường... Trong khi đó, Trương Vĩnh Ký còn ghi lại trong tác phẩm của ông những khu dân cư ở vùng ven Sài Gòn gắn với các ngành nghề khác nhau: khu ngư dân, khu thợ tiện, khu thợ gốm; các khu hàng sợi, hàng muối, hàng đình, hàng chiếu mảnh, hàng tơ sống, khu cá sấu, khu người làm dầu lạc, khu người bán bánh ngô, khu tàu văng lai¹⁵... Từ cuối thế kỷ XVIII, cộng đồng người Hoa nổi

tiếng với các hoạt động thương mại tập trung đông đảo ở khu phía Tây, nơi trung chuyển hàng hóa, trở thành một cái “Chợ Lớn” – nơi về sau cùng với Sài Gòn trở thành trung tâm kinh tế thương mại đầu tàu của toàn miền Nam.

Năm 1833, cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi bùng nổ, kéo dài đến năm 1835, đã có nhiều tác động đến Sài Gòn. Trước hết những ảnh hưởng từ chiến sự giữa nghĩa quân và quân triều đình là điều dễ thấy. Sau nữa, với sự thất bại của cuộc khởi nghĩa, vua Minh Mạng có đầy đủ lý do và điều kiện để điều chỉnh chính sách thương mại vốn khá rộng mở đối với ngoại thương thời Tổng trấn Lê Văn Duyệt. Chủ trương hạn chế các hoạt động thương mại với phương Tây của triều đình Huế rõ ràng là tác động xấu đến sự phát triển kinh tế của Sài Gòn khi mà động lực phát triển của thành phố là lợi thế về vị trí cửa ngõ – đầu mối trong hoạt động thương mại. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng đó chỉ có tác dụng làm chậm đi sự “bứt tốc” của Sài Gòn trong một giai đoạn ngắn bởi nội lực về nội thương trong vùng vẫn là khá lớn và sự năng động của giới thương nhân Hoa Kiều...

Như vậy, trong khoảng nửa đầu thế kỷ XIX, cùng với sự sa sút của một số trung tâm kinh tế khác ở Nam bộ (như Biên Hòa, Mỹ Tho, Hà Tiên), Sài Gòn – với vị trí địa lý thuận lợi vốn có – đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế để trở thành trung tâm kinh tế hàng đầu của cả khu vực. Vốn giữ vị thế của một địa bàn chiến lược trong những giai đoạn trước, thời kỳ này Sài Gòn tiếp tục đảm trách là thành phố trung tâm chính trị - kinh tế của cả Nam kỳ. Sau những biến động chính trị dưới tác động của những cải cách về hành chính và cuộc khởi nghĩa Lê Văn Khôi, sự phát triển và vị thế trung tâm kinh tế của Sài Gòn có phần chững lại để nhường chỗ cho vai trò chiến lược về chính trị - quân sự của nó khi những bước chân của thực dân Pháp ngày một đến gần.

4. Sài Gòn thời Pháp thuộc - dần ấn kinh tế ở đô thị trung tâm xứ Nam kỳ thuộc Pháp

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Sđd*, tr.205.

¹⁵ Trương Vĩnh Ký (1885), *Souvenirs historiques sur Saigon et ses environs*, Saigon (Dẫn theo Nguyễn Thanh Nhã (2013), *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, NXB Trí thức, Hà Nội, tr.236-237)

Như đã trình bày, Sài Gòn - Chợ Lớn với xuất phát điểm là một thành trì quân sự, đã vươn lên trở thành thành thị kinh tế với vị trí đầu mối liên kết của vùng và thế giới. Cho đến trước khi thực dân Pháp xâm lược, Sài Gòn (sau này là cả Chợ Lớn) đã trở thành một không gian kinh tế - xã hội với vị thế của một đô thị trọng yếu về cả chính trị lẫn kinh tế.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta ở Đà Nẵng. Sau khi không thể đạt được mục tiêu như kế hoạch, quân Pháp chuyển hướng tấn công vào Nam kỳ với trung tâm là Sài Gòn - Gia Định. Ngày 17/2/1859, thực dân Pháp chiếm được thành Gia Định. Ngày 5/6/1862, triều đình Huế ký Hiệp ước nhượng ba tỉnh miền Đông Nam kỳ (Gia Định, Biên Hòa, Định Tường) cho Pháp. Sau khi chiếm được miền Đông, quân Pháp mở rộng đánh chiếm và thôn tính ba tỉnh miền Tây Nam kỳ vào năm 1867. Ngày 15/3/1874, triều Nguyễn ký tiếp với Pháp Hiệp ước thừa nhận chủ quyền của Pháp ở lục tỉnh Nam kỳ cùng nhiều điều khoản nhượng bộ khác. Từ đây, toàn bộ Nam kỳ trở thành đất thuộc địa của Pháp.

Khi người Pháp đến, các hoạt động kinh doanh tư bản chủ nghĩa nhà nước thực dân Pháp và các tập đoàn tư bản tư nhân nước ngoài (chủ yếu là tư bản Pháp) đã làm cho các thành thị cũ ở Nam kỳ phát triển theo một xu hướng khác: trở thành những đô thị công thương nghiệp hơn là những trung tâm chính trị - văn hóa như trước. Trong điều kiện đó, thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn đã phát triển với tốc độ nhanh và mạnh, đặc biệt là sau Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914-1918). Mức độ đô thị hóa ở đây là cao nhất ở Nam kỳ và nhanh hơn nhiều nếu so với các thành phố Hà Nội, Hải Phòng ở Bắc kỳ (là xứ "bảo hộ"). Dân số Sài Gòn tăng từ khoảng 248.000 người (1913) lên 347.000 người (1926) và 540.000 người năm 1938. Sự tăng trưởng về quy mô dân số đã vượt quá dự kiến của đồ án phát triển thành phố Sài Gòn của người Pháp (đồ án

Coffyn)¹⁶. Chỉ trong 10 năm (1943-1953), dân số Sài Gòn tăng lên gấp 3 lần (năm 1943 là 498.000 dân, chiếm 9% dân số Nam kỳ; đến năm 1953 là 1.614.200 dân, chiếm 27% dân số Nam kỳ)¹⁷. Cảng Sài Gòn được mở từ năm 1860 và nhanh chóng trở thành một trong những thương cảng quan trọng bậc nhất ở vùng Viễn Đông, đứng hàng thứ bảy trong các thương cảng của thực dân Pháp; có khả năng tiếp nhận cùng lúc 40 tàu tải trọng hạng nặng. Khả năng phục vụ tàu và hàng hóa ra vào của cảng Sài Gòn vượt xa gấp đôi so với cảng Hải Phòng¹⁸. Công nghiệp, thủ công nghiệp của Sài Gòn - Chợ Lớn trong các lĩnh vực như điện, chế biến đường, chế biến cao su, công nghiệp thức uống, công nghiệp hóa chất... có sự phát triển nhanh hơn ở các thành phố phía Bắc. Hệ thống ngân hàng thương mại của tư bản Pháp, tư sản người Hoa và người Việt đã sớm hình thành và phát triển mạnh¹⁹. Đặc biệt, Ngân hàng Đông Dương với vai trò là "trái tim và khối óc của nền kinh tế Đông Dương"²⁰ - có chi nhánh đầu tiên đặt tại Sài Gòn - đã chi phối toàn bộ hoạt động kinh tế - tài chính của toàn Đông Dương²¹.

¹⁶ Ngày 11/4/1861, đô đốc Charner quyết định ấn định địa phận thành phố Sài Gòn (Ville de Saigon) được bao quanh bởi một mặt là rạch Bến Nghé và rạch Thị Nghè, mặt kia là chính sông Sài Gòn và một đường rạch nối từ chùa Cây Mai đến những phòng tuyến cũ đồn Chí Hòa. Sài Gòn chính thức trở thành một đơn vị hành chính riêng, diện tích khoảng 25 km². Theo đó, thành phố Sài Gòn lúc bấy giờ bao gồm hai khu Sài Gòn và Chợ Lớn. Năm 1862 đồ án quy hoạch thành phố Sài Gòn với 500.000 dân của Coffyn được phê duyệt. Đến năm 1864, người Pháp cho tách khu Chợ Lớn ra khỏi thành phố Sài Gòn. Chợ Lớn lúc này là lý sở của huyện Tân Long thuộc phủ Tân Bình. Đây là một thay đổi cơ bản và thuận lợi nhất để tập trung đầu tư xây dựng khu trung tâm Sài Gòn.

¹⁷ Vũ Quốc Thúc, *Cách mạng kinh tế ở Việt Nam tự do*, Tài liệu trung tâm Lưu trữ quốc gia II, ký hiệu HS.878, tr.4.

¹⁸ Sansom, Robert (1970), *The economics of insurgency in the Mekong delta of Vietnam*, M.I.T. press, Cambridge, Mas, p.40.

¹⁹ Như: Ngân hàng Đông Á (Bank of East Asia, thành lập năm 1921), Ngân hàng Trung Hoa (Bank of China, thành lập năm 1946), Ngân hàng giao thông (Bank of Communication, thành lập năm 1947) của tư sản người Hoa; Ngân hàng Việt Nam thành lập năm 1927 do các địa chủ và tư sản Nam kỳ góp vốn...

²⁰ Philippe Devillers (1952), *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*, Paris, p.46.

²¹ Ngân hàng Đông Dương (Banque de l'Indochine, viết tắt là BIC) được thành lập theo sắc lệnh của tổng thống Pháp ngày

Nhờ có vị trí địa lý thuận lợi, sự gắn kết chặt chẽ giữa Sài Gòn - Chợ Lớn với vùng Nam kỳ lục tỉnh, sự trọng yếu của thương cảng Sài Gòn và sự tập trung của hệ thống ngân hàng thương mại, nên thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn đã nhanh chóng trở thành trung tâm thương mại - tài chính của cả khu vực phía Nam bán đảo Đông Dương, định hướng và kích thích sự phát triển của các vùng nông thôn Nam kỳ, Nam Tây Nguyên và cả Cambodge. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, lúa gạo xuất khẩu của đồng bằng sông Cửu Long và Cambodge xuất qua cảng Sài Gòn ngày càng tăng, làm kéo theo sự gia tăng diện tích canh tác và năng xuất lúa gạo ở Nam kỳ. Miền Đông Nam kỳ và Nam Tây Nguyên cũng gắn kết chặt với Sài Gòn - Chợ Lớn thông qua việc xuất khẩu sản phẩm cây công nghiệp, hàng nông sản... Sài Gòn - Chợ Lớn trở thành thành phố gắn kết thị trường toàn Nam kỳ với các vùng miền khác và thị trường thế giới.

Như vậy, dưới thời Pháp thuộc, sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế của thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn đã thể hiện sự xác lập nền kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nam kỳ lúc bấy giờ. Trong bức tranh chung đó, Sài Gòn - Chợ Lớn không chỉ đóng vai trò là trung tâm chính trị của xứ Nam kỳ thuộc Pháp mà còn là thành phố tập trung tư bản - tài chính, dân cư, cơ sở kinh tế của cả Nam kỳ; là trung tâm điều tiết, chi phối nền kinh tế toàn miền thông qua hệ thống ngân hàng thương mại; là cầu nối thị trường trong nước với thị trường thế giới theo hướng phục vụ xuất khẩu hàng nông sản, nhất là lúa gạo và cao su.

5. Sài Gòn thời Việt Nam Cộng Hòa – sự phát triển của kinh tế trong bức màn nhưng “viện trợ”

Trong những năm 1955-1975, cùng với sự ra đời của Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam, Sài Gòn trở thành “thủ đô” của chính quyền mới. Sự phát triển kinh tế tư bản ở Sài Gòn giai đoạn này gắn chặt với

các nguồn viện trợ của Mỹ và các nước đồng minh trong nỗ lực thiết lập một mô hình chủ nghĩa thực dân mới ở Đông Nam Á. Thay thế thực dân Pháp ở miền Nam, người Mỹ nhanh chóng áp đặt ngay cho miền Nam con đường phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa lệ thuộc chặt chẽ vào Mỹ làm cơ sở để nuôi dưỡng một chính quyền thân Mỹ chống Cộng, biến miền Nam thành một “tiền tiêu” chiến lược quan trọng để phản công chủ nghĩa Cộng sản, là “trái tim”, “chìa khóa” của “tám gương về sự đề kháng của phương Tây đối với sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng sản”. Phát triển trong bối cảnh chiến tranh, trực tiếp phục vụ và chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các chính sách kinh tế thuộc địa kiểu mới của Mỹ, thành phố Sài Gòn không chỉ đóng vai trò là đầu não chính trị - quân sự của Việt Nam Cộng hòa mà còn là biểu tượng kinh tế phục vụ cho các ý đồ chính trị của Đế quốc Mỹ trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa Cộng sản.

Tính chung trong khoảng 20 năm (1955-1975), Mỹ đã đổ 7,6 tỷ đô la cho viện trợ kinh tế ở miền Nam, trong đó khoảng 80% là viện trợ không hoàn lại. Với những nguồn viện trợ khổng lồ từ Mỹ, thành phố Sài Gòn những năm 1955-1975 không chỉ là trung tâm thương nghiệp, đầu mối giao thông trong nước và cửa ngõ giao lưu quốc tế mà dần trở thành trung tâm văn hóa, trung tâm công nghiệp và trung tâm tài chính - ngân hàng của miền Nam.

Đối với các ngành công nghiệp, về công nghiệp thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, số liệu năm 1973 cho biết vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định có 1065 cơ sở sản xuất với 22.012 công nhân, lao động; trong đó số cơ sở sản xuất được xem là “đại công nghiệp cơ khí” chiếm 15.111 lao động, tức 68,64% và trên 100 xí nghiệp, chiếm 10% số xí nghiệp trong ngành. Trong ngành công nghiệp giấy, năm 1973, vùng Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định có 109 cơ sở sản xuất với 2.505 lao động. Trong ngành chế biến khoáng chất, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong năm 1973 có 235 xí nghiệp với 6.875 lao động tham gia (toàn miền Nam năm 1967 chỉ có 67 xí nghiệp

21/1/1875, trụ sở chính đặt tại Paris. Chính quyền Pháp xây dựng Ngân hàng Đông Dương thành một ngân hàng phát hành, cho vay và chiết khấu có đặc quyền phát hành đồng bạc Đông Dương.

với khoảng 4.000 lao động). Trong ngành chế biến gỗ, da, may mặc, năm 1973 Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định có hơn 600 xí nghiệp hoạt động (năm 1960, toàn miền Nam chỉ có 735 cơ sở sản xuất). Ngành công nghiệp hóa chất, năm 1973 Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định có 997 cơ sở sản xuất với 18.800 lao động (con số này của toàn miền Nam năm 1960 chỉ là 358 cơ sở với 2.601 lao động). Ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm kim loại và cơ khí phát triển khá nhanh ở Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định trong những năm 1960. Năm 1973, vùng này có 1.632 cơ sở cơ khí – sản xuất sản phẩm kim loại với 17.653 lao động, (chiếm 93% cơ sở, máy móc, trang thiết bị cơ khí của toàn miền Nam). Đối với ngành công nghiệp điện lực, Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định là thành phố sử dụng đến 80% sản phẩm điện lực, cũng là trung tâm của các công ty điện lực lớn (Sài Gòn điện lực, Điện lực Việt Nam, CEE, SCEE, UNEDI, SIFEA)...²².

Đối với thương nghiệp, ngân hàng, với vai trò là “thủ đô”, Sài Gòn nhanh chóng trở thành trung tâm tài chính - thương mại của miền Nam. Tính đến năm 1975, Sài Gòn - Chợ Lớn có tới 125 chợ lớn nhỏ. Bên cạnh đó, ở Sài Gòn - Chợ Lớn đã hình thành các trung tâm thương mại lớn, quy mô như Charner, Passage Eden, Saigon Derpato, Crystal Palace... Những năm 1968-1971, mặc dù Sài Gòn có đến 60 siêu thị lớn nhưng vẫn không đủ đảm bảo nhu cầu tiêu thụ của người dân. Đến năm 1975, Sài Gòn còn có thêm 18 thương xá. Đây cũng là nơi duy nhất ở miền Nam lúc bấy giờ hình thành loại hình kinh doanh này. Sự phát triển của ngành thương mại biến Sài Gòn nhanh chóng trở thành nơi tập trung, luân chuyển hàng hóa, từ các vùng miền khác và nước ngoài thông qua các bến cảng, nhà kho... Cùng với đó, một mạng lưới buôn bán đã được phân bố theo mặt hàng rất chặt chẽ; ngoài hệ thống các chợ nhỏ ở đây đã hình thành nhiều “khu

thương mại thương nghiệp tập trung”. Đến cuối năm 1972, Sài Gòn - Chợ Lớn có khoảng 32 khu thương mại tập trung. Về ngoại thương, đến năm 1975, Sài Gòn có trên 300 nhà đại diện của các nhà sản xuất, xuất nhập cảng nước ngoài trú đóng. Đối với ngành ngân hàng, năm 1975, riêng thành phố Sài Gòn có 32 ngân hàng thương mại với 196 chi nhánh ở khắp miền Nam, trong đó có khoảng 100 chi nhánh đặt tại Sài Gòn. Nếu tính chung trên toàn miền Nam, số ngân hàng nhà nước, ngân hàng thương mại lẫn ngân hàng nông nghiệp của tư bản tư nhân thì có tới 105 ngân hàng lớn nhỏ, phần lớn đều có trụ sở chính hoặc chính nhánh ở Sài Gòn²³.

Như vậy, thực hiện mục đích quy hoạch lại bản đồ kinh tế miền Nam theo hướng phân công giữa các vùng công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp; giữa thành thị và nông thôn; vùng sản xuất và thị trường tiêu thụ - vùng xuất khẩu... Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã từng bước biến thành phố Sài Gòn - từ một trung tâm thương mại - tài chính thời Pháp thuộc - trở thành trung tâm công nghiệp - thương mại - tài chính của cả miền Nam, nơi hội tụ, tập trung kinh tế, đầu mối giao lưu giữa các vùng miền và cửa ngõ quốc tế. Quy mô dân số của thành phố cũng tăng nhanh: từ 1,6 triệu dân năm 1953 lên 3,6 triệu dân năm 1975... Tuy nhiên, do phụ thuộc phần lớn vào các nguồn viện trợ kinh tế của Mỹ, Sài Gòn - Chợ Lớn thời kỳ này đã phát triển trên một nền tảng thiếu sự vững chắc về nội lực, do đó từ năm 1973, cùng với sự rút quân, rút viện trợ của Mỹ, nền kinh tế miền Nam nói chung, Sài Gòn - Chợ Lớn nói riêng nhanh chóng sa sút, khủng hoảng.

6. Thành phố Hồ Chí Minh – chuyển đổi và xây dựng theo mô hình kinh tế mới

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày 30/4/1975 đã giải phóng thành phố Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp

²² Xin xem: Võ Văn Sen (2005), *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM, tr.76-166.

²³ Xin xem: Võ Văn Sen (2005), *Sdd*, tr.167-207.

Mỹ vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Từ đây, giang sơn nối liền một dải, Nam - Bắc sum họp một nhà. Thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định cùng cả nước bước sang trang sử mới, chung tay xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngày 2/7/1976, tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội thống nhất diễn ra tại thủ đô Hà Nội, thành phố Sài Gòn - Gia Định chính thức được vinh dự mang tên vị cha già vĩ đại của dân tộc – Hồ Chí Minh.

Vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh trường kỳ, ác liệt, Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) phải đương đầu ngay với những khó khăn, thử thách để bảo vệ thành quả cách mạng, ổn định tình hình chính trị-trật tự xã hội, phục hồi và phát triển kinh tế. Song, bên cạnh những thách thức to lớn, về mặt kinh tế, Thành phố cũng có những điều kiện thuận lợi cơ bản để nhanh chóng ổn định tình hình. Đó là một Thành phố gần như nguyên vẹn sau chiến tranh với một cơ sở vật chất kỹ thuật lớn nhất miền Nam (tập trung hơn 80% năng lực sản xuất công nghiệp của cả miền Nam với hàng trăm cơ sở sản xuất, nhà máy, xí nghiệp...), là địa bàn tập trung hàng chục vạn lao động kỹ thuật, trí thức khoa học tay nghề, trình độ cao. Đây cũng là đầu mối giao thương lớn nhất miền Nam với hàng chục vạn hộ kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ với đủ loại ngành nghề; là trung tâm tài chính - ngân hàng với mạng lưới chi nhánh rộng khắp, có mối quan hệ mật thiết với hệ thống nhân hàng thế giới... Tất cả những điều kiện cơ bản có là cơ sở để Bộ Chính trị xác định mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Thành phố sau giải phóng, đó là “từ một thành phố tiêu thụ chuyên sang một thành phố sản xuất, từ kinh tế phục vụ chiến tranh và hoàn toàn phụ thuộc vào nước ngoài chuyển sang kinh tế độc lập, phục vụ dân sinh và tiến lên chủ nghĩa xã hội”²⁴.

Tiếp thu nhiệm vụ chiến lược của Trung ương, nền kinh tế TP. HCM được chuyển sang nền kinh tế

kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa với kinh tế quốc doanh và tập thể đóng vai trò chủ đạo. Hầu hết các xí nghiệp tư nhân lớn và vừa được quốc hữu hóa để trở thành các doanh nghiệp quốc doanh. Khu vực tiểu thủ công nghiệp được tiến hành hợp tác hóa các ngành nghề quan trọng theo hình thức hợp tác xã và tổ sản xuất. Giai đoạn 1976-1980, tỷ trọng công nghiệp quốc doanh chiếm 70-75% và tỷ trọng kinh tế tập thể chiếm hơn 21% giá trị tổng sản lượng công nghiệp²⁵... Cơ chế kinh tế mới một mặt đã cải tạo một bộ phận quan trọng nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, sắp xếp, phân phối lại thị trường và sản phẩm xã hội; tuy nhiên việc áp dụng một cách thụ động, chủ quan, duy ý chí, mang nặng tính áp đặt cơ chế kinh tế mới, vi phạm nguyên tắc “tự nguyện”, cộng thêm các yếu tố khách quan (như gần như mất hẳn thị trường và nguồn cung cấp máy móc, nguyên vật liệu từ phương Tây và Nhật Bản; sự rút lui của một bộ phận đáng kể tư sản Hoa Kiều; ảnh hưởng của chính sách cấm vận của Hoa Kỳ...), đã làm cho năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng suy giảm. Tốc độ tăng trưởng GDP của Thành phố những năm 1976-1980 chỉ ở mức bình quân 2,2%/năm (trong đó đáng chú ý là khu vực dịch vụ - ngành kinh tế trọng điểm của Thành phố trước kia - chỉ tăng trưởng bình quân 0,8%/năm). Mặc dù vậy, nếu so với tình trạng khó khăn chung của cả nước, TP. HCM thời kỳ này vẫn đóng góp tích cực cho nền kinh tế cả nước (tăng trưởng trung bình của cả nước thời kỳ này là 0,4%/năm)²⁶.

Trong bối cảnh đó, đầu những năm 1980, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân TP. HCM đã chủ động, đi đầu trong việc tìm kiếm những giải pháp và cách thức để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho sản xuất hàng hóa “bung ra”, từng bước loại bỏ dần

²⁴ Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 14/9/1982 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa V về Thành phố Hồ Chí Minh.

²⁵ TS. Trần Văn Bảy, “Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh không ngừng tăng trưởng” in trong Ban Thường vụ Thành ủy TP.HCM (1997), *Thành phố Hồ Chí Minh hai mươi năm (1975-1995)*, NXB TP.HCM.

²⁶ Viện Kinh tế TP. HCM (2000), *Kinh tế TP. HCM 25 năm xây dựng và phát triển (1975-2000)*, tr.26.

cơ chế kinh tế tập trung quan liêu bao cấp. Với sự ủng hộ của Trung ương (qua Nghị quyết của Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần VI khóa IV), TP. HCM đã trở thành một trong những địa phương đi đầu với những cải cách mang tính đột phá để giải phóng sức sản xuất, kích thích thị trường... Các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành lần 9 (tháng-1979), lần 10 (1980) của Đảng bộ Thành phố (khóa I) đã chủ trương thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn của nền kinh tế, chủ động tìm kiếm, thử nghiệm các hướng đi mới. Các xí nghiệp quốc doanh được phép tìm kiếm các hình thành kinh doanh sinh lợi theo “kế hoạch B”. Các xí nghiệp ngoài quốc doanh, trước hết là các ngành tiêu thụ công nghiệp, có thể mở rộng sản xuất kinh doanh, tự chủ tìm nguồn nguyên vật liệu và đầu ra cho sản phẩm... Cho đến trước Đại hội Trung ương VI, trong nền kinh tế TP. HCM đã có sự tồn tại của các thành phần kinh tế: quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, tư bản tư nhân, cá thể; mô hình quản lý kinh tế mới theo hướng tự chủ, tự cân đối đã phổ biến ở TP. HCM, mang lại những khởi sắc cho nền kinh tế. Trong thương nghiệp, với các Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố lần 17, 19 đã có tác dụng tăng cường mạng lưới thương mại, thúc đẩy thị trường buôn bán, giao lưu kinh tế của Thành phố với các địa phương khác. Giai đoạn 1981-1985, tốc độ tăng trưởng GDP của Thành phố đã đạt mức 8,2%/năm (năm 1984 là 12,4%), trong đó, tăng mạnh nhất trong nhóm ngành công nghiệp (12,5%/năm)²⁷...

Với vai trò và bản lĩnh của một thành phố lớn ở phía Nam và cả nước, những năm đầu sau giải phóng là quãng thời gian TP. HCM - trên cơ sở thực tiễn quá trình lãnh đạo, quản lý kinh tế - đã mạnh dạn từng bước “bung ra”, thoát dần cơ chế cũ rồi nhay bén tìm tòi, thử nghiệm những hướng đi mới phù hợp hơn, mang lại những bước phát triển “đột biến”, từng bước “phá rào”, mở rộng, tạo điều kiện và kích thích các thành phần kinh tế phát triển.

²⁷ Viện Kinh tế TP. HCM (2000), *Sdd*, tr.69-70.

Những tìm tòi, thử nghiệm mang tính đi đầu đó không chỉ là nhiệm vụ, trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền Thành phố đối với người dân Thành phố, mà còn là trách nhiệm của một thành phố trung tâm, một đầu tàu của nền kinh tế khu vực phía Nam, một thành phố đặc biệt của cả nước. Cùng với nhiều địa phương đã có nhiều nhiều sáng kiến, đóng góp thực tiễn cho tư duy đổi mới của Đảng và Nhà nước, TP. HCM tự hào là một trong số đó, một địa phương đi đầu với thực tiễn sinh động của một thành phố lớn, trung tâm công nghiệp - thương mại của đất nước. Đến cuối năm 1985, trong bối cảnh đất nước chưa thật sự thoát khỏi khủng hoảng, TP. HCM với khoảng 6% dân số cả nước đã đóng góp 19% tổng sản phẩm xã hội và 17,4% thu nhập quốc dân của cả nước²⁸.

7. Thành phố Hồ Chí Minh – cùng cả nước “đổi mới” và khẳng định vị thế “thành phố động lực”, “hạt nhân phát triển”

Thực hiện công cuộc Đổi mới của Đảng và Nhà nước từ năm 1986 đến nay, TP. HCM đã tiếp tục khẳng định vị thế của trung tâm, đầu tàu của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam²⁹.

Về tăng trưởng kinh tế, giai đoạn 1986-1990, kinh tế TP. HCM có sự sụt giảm tăng trưởng (còn khoảng 5,3%/năm, so với cả nước vẫn cao hơn 1%) do ảnh hưởng của cuộc cải cách “giá - lương - tiền” năm 1985. Từ 1990, tốc độ tăng trưởng của Thành phố giữ được mức ổn định cao (khoảng 12,5%/năm trong những năm 1990-1998; cả nước là 8%/năm). Những chủ trương chính sách đúng đắn của đường lối đổi mới cùng với những cách làm, hướng đi đúng đắn của Thành phố đã làm thay đổi nhanh chóng diện mạo của một thành phố sau hơn 20 năm bước ra khỏi chiến tranh và khủng hoảng. Đến năm

²⁸ Viện Kinh tế TP.HCM (2000), *Sdd*, tr.27.

²⁹ Trong những năm thập niên 80 của thế kỷ trước, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam ra đời trên cơ sở tam giác kinh tế: Thành phố Hồ Chí Minh - Vũng Tàu - Biên Hòa. Đến nay, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam bao gồm 8 tỉnh, với diện tích trên 30 nghìn km², chiếm 9,2% diện tích của cả nước, chiếm gần 18% dân số cả nước; sản xuất hơn 42% GDP, gần 40% kim ngạch xuất khẩu cả nước, đóng góp gần 60% ngân sách quốc gia.

2000, TP. HCM đóng góp khoảng 19% cho GDP chung của cả nước³⁰.

Trong giai đoạn 2000-2005, TP. HCM duy trì khá tốt tốc độ tăng trưởng kinh tế, xấp xỉ 11%/năm. Năm 2005, Thành phố chiếm 0,6% diện tích và 8,34% dân số của cả nước nhưng đóng góp tới 20,2% tổng sản phẩm, 27,9% giá trị sản xuất công nghiệp và 34,9% dự án nước ngoài. Trong những năm gần đây, TP. HCM có tốc độ phát triển kinh tế khá cao, nhất là trong giai đoạn 2006-2010, tốc độ tăng bình quân đạt 11,2%/năm, bằng 1,2 lần tốc độ tăng trưởng chung của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và trên 1,5 lần tốc độ tăng trưởng chung của cả nước³¹. Năm 2010-2014, mặc dù nền kinh tế đất nước bị ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới (2007-2010) và cuộc “Đại suy thoái kinh tế toàn cầu” từ năm 2009, nhưng TP. HCM vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, khoảng trên 9%/năm (tốc độ cả nước chỉ ở mức xấp xỉ 6%)³².

Về cơ cấu kinh tế, với lợi thế về mặt vị trí địa lý, TP. HCM là trung tâm công nghiệp - thương mại của cả nước. Chỉ tính riêng khoảng 15 năm đầu thế kỷ XXI, cơ cấu kinh tế TP. HCM duy trì ổn định theo tỷ lệ: Dịch vụ 59,6%; Công nghiệp, xây dựng: 39,4%; nông nghiệp 1%. Về cơ cấu theo khu vực kinh tế, có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (hiện nay khoảng 54%, gồm kinh tế tư nhân 44%, và kinh tế cá thể 10%); khu vực kinh tế nhà nước chiếm khoảng 20%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 20,9% và kinh tế ngoài nhà nước chiếm khoảng 59,7%³³. Trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, với cơ cấu kinh tế như trên, hiện nay,

TP. HCM đã đóng vai trò là hạt nhân trong với mức đóng góp GDP là trung bình hằng năm khoảng 60% trong vùng và 30% trong tổng GDP của cả khu vực Nam Bộ.

Kinh tế đối ngoại tiếp tục là thế mạnh của TP. HCM trong thời kỳ đổi mới trên cả ba lĩnh vực, xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và các nguồn vốn viện trợ phát triển (ODA). Trong những năm gần đây, mặc dù không phải là địa phương thu hút tốt nhất các nguồn đầu tư nước ngoài, nhưng TP. HCM là một trong những địa phương có số dự án đăng ký, có các dự án được triển khai và giải ngân cao nhất cả nước. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp vào khoảng 25% GDP 40% vào sản xuất công nghiệp của Thành phố; hằng năm chiếm khoảng 30% tổng kim ngạch xuất khẩu của Thành phố. Ngoài ra, các dự án có vốn đầu tư nước ngoài cũng đóng góp khoảng 15% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư lớn vào TP. HCM là Singapore, Malaysia, Hồng Kông, Hàn Quốc, Đài Loan,...

TP. HCM là trung tâm thương mại - dịch vụ lớn nhất cả nước. Ngành dịch vụ có tốc độ tăng trưởng cao nhất và chiếm tỷ trọng lớn trong GDP của Thành phố. Số liệu thống kê cho thấy doanh số thương nghiệp, quy mô tiêu thụ, mạng lưới bán lẻ... trên địa bàn cao hơn nhiều so với các tỉnh thành khác với một hệ thống trung tâm mua sắm, siêu thị, chợ, cùng hàng trăm ngàn cơ sở bán lẻ... Chợ Bến Thành là biểu tượng về giao lưu thương mại từ xa xưa của thành phố, hiện nay vẫn giữ một vai trò quan trọng. Những thập niên gần đây, nhiều trung tâm thương mại hiện đại xuất hiện đã xuất hiện như Saigon Trade Centre, Diamond Plaza, Saigon Square, Parkson Sài Gòn... Bốn ngành dịch vụ chủ yếu của Thành phố là tài chính - ngân hàng, du lịch, vận tải - dịch vụ cảng - kho bãi, bưu chính - viễn thông có sự tăng trưởng mạnh. Cùng với Hà Nội, TP. HCM là một trong hai địa phương được thành lập các Sở Giao dịch Chứng khoán. Sở Giao dịch

³⁰ Viện Kinh tế TP.HCM (2000), *Sdd*, tr.27.

³¹ Theo <http://www.hochiminhcity.gov.vn/thongtinthanhpho/gioithieu/Pages/default.aspx>

³² Theo thống kê của Tổng cục Thống kê tại <http://www.gso.gov.vn/>

³³ Theo thống kê tại <http://www.gso.gov.vn/>, <http://www.hochiminhcity.gov.vn/>, <http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/>

Chứng khoán TP. HCM, có mã giao dịch là VN-Index, được thành lập vào tháng 7/1998³⁴. Hai năm sau, vào ngày 28/07/2000, phiên giao dịch đầu tiên đã chính thức được tổ chức tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

Với vai trò là trung tâm công nghiệp của cả nước, tính đến nay trên địa bàn TP. HCM đã hình thành hệ thống 16 Khu chế xuất - Khu công nghiệp với tổng diện tích khoảng hơn 4.000 ha. Trong thời gian tới, TP. HCM còn dự kiến thành lập thêm các Khu công nghiệp ở các quận/huyện ngoại thành. Mục tiêu của các Khu công nghiệp là thu hút các ngành mũi nhọn theo định hướng phát triển của Thành phố và phân bổ, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất kinh doanh công nghiệp phù hợp với quy hoạch của Thành phố, bảo vệ môi trường. Trong những năm gần đây, tỷ trọng cơ cấu các ngành công nghiệp ở TP. HCM có sự chuyển đổi theo hướng tăng các ngành công nghiệp có hàm lượng tri thức, công nghệ cao, mang lại lợi thế cạnh tranh lớn; các ngành sử dụng nhiều tài nguyên và thâm dụng lao động giảm dần và chuyển dịch về các tỉnh lân cận.

Là thành phố động lực trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, trong quá trình phát triển, TP. HCM đã chủ động hợp tác với các tỉnh, đầu tư các tuyến giao thông trọng điểm, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu cầu dân cư, điểm trung chuyển, khu cửa khẩu v.v.. làm cầu nối giữa Thành phố với các địa phương, phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội, tăng cường thêm vị thế “kết nối” của Thành phố trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của cả khu vực Nam bộ...

Kết luận

Tóm lại, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa, TP. HCM tiếp tục khẳng định vai trò và vị trí của thành phố trung tâm chính trị kinh tế

của Đồng bằng Nam bộ. Không dừng lại ở đó, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế một cách toàn diện và sâu rộng của đất nước, TP. HCM truyền thống lịch sử của một thành phố trung tâm, hạt nhân phát triển đang tiếp tục chuyển mình mạnh mẽ để đóng vai trò là một “thành phố động lực” trong nền kinh tế quốc gia ở khu vực phía Nam, một trung tâm thương mại - công nghiệp của cả nước. Cơ sở của quá trình đó là những yếu tố mang tính lịch sử và nội tại sau:

Thứ nhất, đó là một vị trí không thể thay thế, mang tính yết hầu của vùng Đồng bằng Nam bộ. TP. HCM ở vào vị trí trung tâm của khu vực Nam bộ, nối liền vùng đồng bằng sông Cửu Long sông nước trù phú với vùng đồng bằng bán cao nguyên miền Đông Nam bộ, Nam Trung bộ và Tây Nguyên; đặc biệt nằm giữa vùng tứ giác kinh tế năng động bậc nhất của cả nước (trong đó TP. HCM là trung tâm thương mại, đồng bằng sông Cửu Long là trung tâm nông nghiệp, vùng Đông Nam bộ (Bình Dương, Đồng Nai...) là trung tâm công nghiệp, Bà Rịa Vũng Tàu là trung tâm dịch vụ - du lịch). Đối với thế giới, TP. HCM là cửa ngõ giao lưu kinh tế - văn hóa quốc tế với hệ thống hải cảng quan trọng bậc nhất khu vực phía Nam.

Thứ hai, lịch sử vùng đất Sài Gòn - TP. HCM gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển một trung tâm hành chính - quân sự - kinh tế - văn hóa của cả khu vực. Quá trình đó không chỉ xuất phát từ vị trí địa lý mà còn là sự lựa chọn của lịch sử, của ông cha trong bước đường mở cõi, là thành quả của biết bao thế hệ lưu dân đã dày công vun đắp, bảo vệ. Yếu tố truyền thống - lịch sử gắn liền với những nền tảng nội lực vững chắc là tiền đề, sức mạnh để TP. HCM hôm nay vững tin trước chặng đường phát triển sắp tới.

Thứ ba, đó là tính chất trẻ trung - năng động - sáng tạo của một thành phố hơn 300 năm tuổi. Ngay từ những ngày đầu khai sơn phá thạch, Nam bộ nói chung, Sài Gòn - TP. HCM nói riêng đã là nơi hội tụ của nhiều nguồn dân cư, cũng là nơi hội tụ nhiều

³⁴ Ngày 11/07/1998, với Nghị định số 48/CP về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán, Thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được khai sinh. Cùng ngày, Thủ tướng Chính phủ cũng ký Quyết định số 127/1998/QĐ-TTg thành lập Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

giá trị, bản sắc văn hóa, tín ngưỡng truyền thống khác nhau. Sự trẻ trung, đa dạng, phóng khoáng, năng động, dễ thích nghi, cởi mở... là những gì dễ nhận thấy trong tính cách người dân Nam Bộ nói chung, người Sài Gòn - TP. HCM nói riêng. Tính cách đó phần nào cũng thể hiện rõ nét trong cách thức làm kinh tế của người dân Thành phố: năng động, sáng tạo, dám nghĩ dám làm, dám đột phá... “Cá tính” đó đối với TP. HCM ngày nay nếu biết phát huy đúng cách, sẽ là một động lực lớn trong phát triển kinh tế của Thành phố.

Thứ tư, Sài Gòn - TP. HCM là trung tâm thương mại - công nghiệp. Sài Gòn - TP. HCM là cửa ngõ tiền tiêu, chìa khóa để mở cửa vùng đồng bằng sông Cửu Long trù phú; là cầu nối giữa Nam bộ với vùng Nam Trung bộ và Tây Nguyên, của miền Nam với thế giới. Với lợi thế đó, trong lịch sử cũng như trong hiện tại, Thành phố này đã khẳng định sức mạnh kinh tế trong hai lĩnh vực thương mại và công nghiệp. Trong đó, cùng với sự lớn mạnh của các trung tâm công nghiệp khác trong khu vực như Đồng Nai, Bình Dương... TP. HCM trong tương lai cần tập trung phát triển và đẩy mạnh các loại hình

thương mại - dịch vụ đặc biệt là các ngành tài chính - ngân hàng, trung chuyển - vận tải...

Với vai trò và vị thế đã được trình bày ở trên, sự phát triển và chuyển mình của “Thành phố động lực” Hồ Chí Minh sẽ có tác động lớn đến cả nước và khu vực; và tất nhiên là cả theo chiều ngược lại. Trong bối cảnh đó, vấn đề liên kết khu vực lại được đặt ra cho các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý kinh tế. Làm thế nào để phát huy hết thế mạnh, tiềm năng của mỗi địa phương; chuyên môn và phân công hóa các nhóm ngành nghề, lĩnh vực để mỗi vùng kinh tế là một tổng thể nhịp hoạt động nhịp nhàng, hài hòa, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng sống của người dân... là một bài toán không dễ. Tuy nhiên, với thực tiễn xây dựng và phát triển Thành phố sau 40 năm giải phóng, tin rằng với quyết tâm của lãnh đạo Thành phố, cùng với “cá tính” của một thành phố anh hùng, sáng tạo và năng động, TP. HCM sẽ đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của đất nước trong thời gian tới.

Saigon - Ho Chi Minh City, a city of driving force for socio-economic development

- Vo Van Sen
- Duong Thanh Thong

University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

ABSTRACT:

Gia Dinh - Saigon - Ho Chi Minh City is a historical and cultural sub-region which has played a very important role in the formation and development of the Southern region, particularly continuing to affirm its leading position of a nationwide economic and technical center during the current process of industrialization and modernization. In 1698 when Nguyen Huu Canh – a renowned General of Lord Nguyen Phuc Chu; bestowed with the title “Le Thanh Hau” – arrived in Dong Nai, he decided to worked out the first Vietnamese land strategy and set up administrative establishments in this land, Gia Dinh - Sai Gon - Ho Chi Minh City got born in Vietnam. Saigon - Ho Chi Minh City with its just over 300 years of formation, construction

and development has witnessed all the big and significant turning points and historical events during the pre-modern and modern history of the country, strengthened its advantages and become the important economic, political and cultural center of the South of Vietnam in particular and of the whole country in general. Nowadays, with the favorable geographic location, the abundant potentiality and the creative and dynamic communities, Ho Chi Minh City continues to affirm the role and position of a dynamic, economic and political center nationwide. This paper is to look over and generalize the developmental stages with the historical experience of Ho Chi Minh City as an economic engine and a dynamic city of the country over the last three centuries.

Keywords: Saigon, Gia Dinh, Cho Lon, Ho Chi Minh city, Vietnam economy

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thái An – Nguyễn Văn Kịch (2005), *100 năm phát triển công nghiệp Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2]. Nguyễn Thế Anh (2008), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Thế Anh (2008), *Kinh tế và Xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, NXB Văn học, Hà Nội.
- [4]. Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1930-1975)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Phan Xuân Biên – Trần Nhu (chủ biên, 2005), *Thành phố Hồ Chí Minh 30 năm xây dựng và phát triển*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6]. Christaller, Walter (1933), *Die zentralen Orte in Süddeutschland*, Gustav Fischer, Jena.

- [7]. Devillers, Philippe (1952), *Histoire du Vietnam de 1940 à 1952*, Paris.
- [8]. Trịnh Hoài Đức (1998), *Gia Định thành thông chí*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [9]. Trần Văn Giàu – Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1998), *300 năm Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Trần Văn Giàu – Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1998), *Địa chí Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
- [11]. Hà Minh Hồng – Lê Hữu Phước (chủ biên, 2011), *Sài Gòn – Thành phố Hồ Chí Minh hành trình 100 năm (1911-2011)*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [12]. Lê Thành Khôi (2014), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*, NXB Thế giới, Hà Nội.
- [13]. Nguyễn Thanh Nhã (2013), *Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*, NXB Trí thức, Hà Nội.
- [14]. Nguyễn Phan Quang (1998), *Góp thêm tư liệu Sài Gòn – Gia Định từ 1859-1945*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [15]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Quốc triều sử toát yếu*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [16]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2007), *Đại Nam thực lục (tập 1)*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [17]. Sansom, Robert (1970), *The economics of insurgency in the Mekong delta of Vietnam*, M.I.T. press, Cambridge, Mas.
- [18]. Võ Văn Sen (2005), *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở miền Nam Việt Nam (1954-1975)*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [19]. Cao Tự Thanh (chủ biên, 2007), *Lịch sử Sài Gòn – Gia Định trước năm 1802*, NXB Văn hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- [20]. Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Văn Phú (Đồng chủ biên, 2006), *Phát triển kinh tế vùng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [21]. Nguyễn Văn Trung (2015), *Hồ sơ về Lục châu học, Tìm hiểu con người ở vùng đất mới dựa vào tài liệu văn, sử bằng Quốc ngữ ở miền Nam từ 1865-1930*, NXB Trẻ, TP.Hồ Chí Minh.
- [22]. Viện Chiến lược phát triển (2004), *Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [23]. Viện Kinh tế TP.HCM (2000), *Kinh tế TP.HCM 25 năm xây dựng và phát triển (1975-2000)*.
- [24]. Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (2008), *Đô thị hóa ở Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh từ góc nhìn lịch sử văn hóa*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [25]. Các trang web:
<http://de.wikipedia.org>
<http://fr.wikipedia.org>
<http://en.wikipedia.org>
<http://vi.wikipedia.org>
<http://www.hochiminhcity.gov.vn>
<http://www.gso.gov.vn/>
<http://www.hochiminhcity.gov.vn>
<http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn>